ỦY BAN NHÂN DÂN **HUYỆN TUY PHƯỚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 40 /BC-UBND	*Tuy Phước, ngày 17 tháng 4 năm 2014*

BÁO CÁO
Kết quả 2 năm thu, quản lý và sử dụng Quỹ quốc phòng – an ninh trên địa bàn huyện năm 2012 - 2013

Căn cứ Quyết định số 56/2011/QĐ-UBND ngày 30/12/2011 của UBND tỉnh về việc quy định mức vận động đóng góp, thu, quản lý và sử dụng Quỹ quốc phòng-an ninh trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ Hướng dẫn số 372/HD-BCH ngày 24/3/2014 của Bộ CHQS tỉnh về việc sơ kết 2 năm công tác vận động đóng góp, thu, quản lý và sử dụng Quỹ quốc phòng - an ninh trên địa bàn tỉnh;

Thực hiện Công văn số 1042/UBND-NC ngày 21/3/2014 của UBND tỉnh Bình Định về việc sơ kết 2 năm công tác vận động đóng góp, thu, quản lý và sử dụng Quỹ quốc phòng - an ninh;

UBND huyện Tuy Phước báo cáo kết quả triển khai thực hiện việc vận động đóng góp, thu, quản lý và sử dụng Quỹ quốc phòng - an ninh trên địa bàn huyện năm 2012 – 2013 như sau:

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

Tuy Phước là huyện đồng bằng nằm phía Đông Nam tỉnh Bình Định, diện tích tự nhiên 217,12 km^2. Toàn huyện có 13 đơn vị hành chính; gồm 11 xã, 02 thị trấn; được chia thành 101 thôn. Dân số toàn huyện trên 182.083 người, với 48.685 hộ; hộ nghèo 2.510 hộ chiếm 5,03%; dân tộc Kinh chiếm 100%, phần lớn sống bằng nghề nông. Trên địa bàn huyện có 04 tôn giáo chính: Phật giáo, Thiên chúa giáo, Tin lành và Cao đài. Có khoảng 29.491 giáo dân, trong đó Phật giáo 17.303 người; Thiên chúa giáo 7.557 người; Tin lành 254 người; Cao đài 4.347 người; hầu hết giáo dân theo tín ngưỡng tôn giáo thuần túy, sống hòa hợp trong cộng đồng dân cư.

Hệ thống chính trị từ huyện đến cơ sở luôn được củng cố kiện; Tổ chức Mặt trận và các tổ chức đoàn thể quần chúng được duy trì và hoạt động có hiệu quả, tình hình ANCT-TTATXH luôn giữ vững, đặc biệt sau khi có Luật Dân quân tự vệ được ban hành và có hiệu lực từ ngày 01/7/2010, Quyết định số 56/2011/QĐ-UBND của UBND tỉnh về việc quy định mức vận động đóng góp, thu, quản lý, sử dụng Quỹ quốc phòng-an ninh trên địa bàn tỉnh đã có tác dụng rất lớn đối với cơ quan chức năng trong việc thực hiện nhiệm vụ quốc phòng – an ninh ở cơ sở đồng thời giúp người dân nâng cao nhận thức về vai trò, vị trí, quyền lợi, nghĩa vụ khi tham gia DQTV và việc thực hiện đóng góp Quỹ quốc phòng-an ninh.

Tuy Phước là cửa ngõ đi vào thành phố Quy Nhơn là một trong những địa bàn trọng điểm về quốc phòng - an ninh. Trong những năm qua, cùng với sự phát triển chung của tỉnh, huyện Tuy Phước đã đạt nhiều kết quả về phát triển kinh tế - xã hội,

thu hút đầu tư, xây dựng, nâng cấp cơ sở hạ tầng, cụm công nghiệp được hình thành và phát triển, đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân không ngừng được nâng cao, góp phần củng cố nền quốc phòng toàn dân. Tốc độ tăng trưởng kinh tế hàng năm của huyện đều tăng khá, cơ cấu kinh tế có bước chuyển dịch tích cực, giá trị sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và thương mại dịch vụ ngày càng tăng, sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản phát triển tương đối toàn diện, đáp ứng yêu cầu giữ vững an ninh lương thực.

Tuy nhiên, bên cạnh những mặt đã đạt được vẫn còn tồn tại hạn chế đó là: Kinh tế của huyện nhà có phát triển nhưng chưa vững chắc, thu nhập từng hộ gia đình còn chênh lệch, thường xuyên bị ảnh hưởng bởi thiên tai, dịch bệnh, đời sống một bộ phận nhân dân còn gặp nhiều khó khăn. Nhận thức của lãnh đạo một số doanh nghiệp, tổ chức và 1 bộ phận quần chúng nhân dân, ý thức trách nhiệm và nghĩa vụ đối với nhiệm vụ quốc phòng - an ninh chưa cao, đã tác động không ít đến công tác vận động đóng góp Quỹ quốc phòng - an ninh trên địa bàn.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN

1. Công tác quán triệt, lãnh đạo, chỉ đạo và triển khai thực hiện

Thực hiện Nghị quyết số 44/2011/NQ-HĐND ngày 09/12/2011 của HĐND tỉnh, Quyết định số 56/2011/QĐ-UBND ngày 30/12/2011 của UBND tỉnh về mức vận động đóng góp, thu, quản lý và sử dụng Quỹ quốc phòng - an ninh. UBND huyện đã tham mưu cho Huyện ủy tổ chức Hội nghị quán triệt trong Ban Chấp hành Đảng bộ, các phòng, ban, ngành, hội đoàn thể và Đảng ủy xã, thị trấn về mục đích, yêu cầu, tầm quan trọng trong việc vận động đóng góp, thu, quản lý và sử dụng Quỹ quốc phòng - an ninh, đồng thời, UBND huyện đã ban hành Quyết định số 246/QĐ-UBND ngày 05/4/2012 về việc ban hành Kế hoạch tổ chức thực hiện Quyết định 56/2011/QĐ-UBND ngày 30/12/2011 của UBND tỉnh về việc quy định mức vận động, đóng góp, thu, quản lý và sử dụng Quỹ quốc phòng-an ninh.

Chỉ đạo Ban CHQS huyện phối hợp với các phòng, ban, ngành, hội đoàn thể của huyện tham mưu cho Huyện ủy, UBND huyện xây dựng Kế hoạch tiếp tục tổ chức tuyên truyền trong cấp ủy, chính quyền các cấp, các ban, ngành, hội, đoàn thể và các tầng lớp nhân dân về Luật DQTV, Nghị quyết số 44/2011/NQ-HĐND, Quyết định số 56/2011/QĐ-UBND ngày 30/12/2011 của UBND tỉnh, Quyết định số 246/QĐ-UBND ngày 05/4/2012 của UBND huyện về việc ban hành Kế hoạch tổ chức thực hiện và các văn bản hướng dẫn thi hành. Qua đó đã giúp cho đội ngũ cán bộ, đảng viên và nhân dân nâng cao nhận thức về sự cần thiết phải đóng góp Quỹ quốc phòng - an ninh để xây dựng, huấn luyện, hoạt động của dân quân tự vệ và Công an xã, góp phần giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn và phát triển kinh tế ở địa phương.

Để thực hiện tốt việc thu, chi Quỹ QP-AN; UBND huyện chỉ đạo Phòng Tài chính – Kế hoạch ban hành Văn bản số 59/PTC-KH ngày 15/3/2012 về việc Hướng dẫn công tác thu, nộp, quản lý, sử dụng và quyết toán Quỹ QP-AN trên địa bàn huyện; Văn bản số 82/PTC-KH về việc đẩy nhanh tiến độ thực hiện Quyết định số

56/2011/QĐ-UBND ngày 30/12/2011 của UBND tỉnh và Quyết định số 246/QĐ-UBND ngày 05/4/2012 của UBND huyện.

Ngoài ra hàng năm Huyện ủy, UBND huyện ban hành các nghị quyết, văn bản chỉ đạo triển khai thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, quân sự năm, trong đó đều có đề cập đến nội dung về vận động đóng góp, thu, quản lý và sử dụng Quỹ quốc phòng - an ninh trên địa bàn huyện để các xã, thị trấn chủ động quán triệt triển khai đạt kết quả.

2. Kết quả thực hiện vận động thu, chi, quản lý Quỹ quốc phòng - an ninh

a) Công tác tổ chức khảo sát lập danh sách, xét duyệt các đối tượng thuộc diện vận động đóng góp và việc lập dự toán thu, chi Quỹ quốc phòng - an ninh

- UBND huyện chỉ đạo Ban CHQS huyện phối hợp chặt chẽ với Công an huyện, Phòng Tài chính – Kế hoạch và các ban ngành, đoàn thể huyện, Đảng ủy, UBND các xã, thị trấn tổ chức các đợt phổ biến, tuyên truyền Luật DQTV, Quyết định số 56/2011/QĐ-UBND của UBND tỉnh, Quyết định số 246/QĐ-UBND của UBND huyện cho toàn thể cán bộ, nhân dân trong huyện; đồng thời xây dựng kế hoạch, hướng dẫn cho các địa phương tổ chức rà soát trên địa bàn nắm chắc các hộ gia đình, hộ kinh doanh, cơ quan tổ chức, Hợp tác xã, công ty xí nghiệp để lập kế hoạch, dự toán thu theo quy định mức vận động đóng góp Quỹ quốc phòng - an ninh để trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định và báo cáo kết quả thu, quản lý và sử dụng Quỹ quốc phòng - an ninh theo quy định.

Kết quả qua khảo sát, xét duyệt và lập danh sách đến nay trên toàn huyện:

- Đối tượng thuộc diện vận động tự nguyện đóng góp Quỹ quốc phòng - an ninh: 77.784; Đối tượng không thuộc diện vận động; Đối tượng chưa thuộc diện vận động đóng góp: 22.330.

- Tổng số cơ sở (Cơ quan, công ty, xí nghiệp, doanh nghiệp, Hợp tác xã, tổ chức khác): 787; Cơ sở thực hiện được vận động đóng góp Quỹ quốc phòng - an ninh: 796; Số cơ sở chưa thực hiện được: 379. *(phụ lục kèm theo)*

b) Việc tổ chức vận động thu, nộp và quản lý Quỹ quốc phòng - an ninh

- UBND huyện chỉ đạo các phòng, ban, ngành, hội đoàn thể có liên quan, phối hợp UBND các xã, thị trấn theo dõi thực hiện vận động thu, nộp Quỹ quốc phòng - an ninh chặt chẽ và đúng theo quy định, các địa phương báo cáo kết quả vận động đóng góp thu, quản lý và sử dụng Quỹ quốc phòng - an ninh cho Hội đồng nhân dân cùng cấp giám sát.

- Hàng năm UBND các xã, thị trấn căn cứ lập bộ thu và dự toán được thông qua Hội đồng nhân dân cùng cấp tổ chức niêm yết danh sách công khai từng đối tượng tại trụ sở thôn cho nhân dân biết mức đóng góp của từng hộ gia đình trong năm để thực hiện. Trong 2 năm từ ngày 01/01/2012 đến ngày 31/12/2013, tổng thu Quỹ quốc phòng - an ninh trên toàn huyện 3.032.195.000 đồng, *trong đó:* Cơ quan hành chính sự nghiệp: 206/295 đạt tỷ lệ. 69,83%; Doanh nghiệp: 106/299 đạt tỷ lệ: 35,45%; Hợp tác xã: 29/39 đạt tỷ lệ: 74,35%; Hộ kinh doanh cá thể: 2.080/3.534 đạt

tỷ lệ: 58,85%; Hộ gia đình: 39.134/53.920 đạt tỷ lệ: 72,57%; Các tổ chức khác: 76/163 đạt tỷ lệ. 46,62%. *(có phụ lục kèm theo)*

c) Mức chi Quỹ quốc phòng - an ninh

Trong 2 năm 2012 và 2013, đã chi Quỹ quốc phòng-an ninh là 1.169.334.000 đồng; trong đó Chi trả thù lao 8% cho người thu 205.501.000 đồng; chi chỉ đạo công tác hành chính 2% là 50.633.000 đồng; chi cho lực lượng tuần tra canh gác 332.945.000 đồng; chi lực lượng truy quét, vây bắt tội phạm 64.626.000 đồng; chi làm nhiệm vụ giữ gìn ANCT, huấn luyện 371.181.000 đồng; chi khen thưởng 4.688.000 đồng; chi tập huấn ngắn hạn 53.765.000 đồng; chi mua sắm dụng cụ, sửa chữa phương tiện 85.200.000 đồng; chi hỗ trợ tiền thuốc trị bệnh 795.000 đồng; chuyển sang năm sau 1.862.861.000 đồng.

- Tỷ lệ chi cho công tác quân sự, quốc phòng: 60%.

- Tỷ lệ chi cho công tác an ninh:40%. *(có phụ lục kèm theo)*

d) Công tác quản lý Quỹ quốc phòng - an ninh

- UBND huyện chỉ đạo Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện hướng dẫn cho UBND các xã, thị trấn, ngành liên quan tổ chức công tác lập bộ (sổ thu), việc cấp phát biên lai, sử dụng và quyết toán biên lai, công tác tài chính đối với Quỹ quốc phòng-an ninh.

- UBND các xã, thị trấn lập dự toán thu - chi trình HĐND cùng cấp quyết định việc thu, nộp, sử dụng và quyết toán Quỹ quốc phòng - an ninh theo qui định hiện hành của Luật Ngân sách Nhà nước, hàng quý, 6 tháng, 1 năm báo cáo tình hình thu - chi và quyết toán Quỹ quốc phòng-an ninh về Phòng Tài chính –Kế hoạch huyện, toàn bộ số tiền thu từ Quỹ quốc phòng-an ninh nộp vào tài khoản tiền gửi các xã, thị trấn tại Kho bạc huyện, tồn quỹ cuối năm được luân chuyển cho năm sau.

- Khi sử dụng kinh phí Quỹ quốc phòng - an ninh các xã, thị trấn lập kế hoạch, dự trù trình cấp có thẩm quyền phê duyệt và thanh quyết toán đúng mục chi được quy định tại Quyết định số 56/2011/QĐ-UBND ngày 30/12/2011 của UBND tỉnh.

e) Công tác kiểm tra đôn đốc, giám sát việc tổ chức triển khai thực hiện Quỹ quốc phòng – an ninh

Hàng năm, UBND huyện chỉ đạo Phòng Tài chính - Kế hoạch, Ban CHQS huyện, Công an huyện và các ngành có liên quan, phối hợp, tổ chức kiểm tra, đôn đốc, giám sát việc tổ chức triển khai thực hiện Quỹ quốc phòng - an ninh ở các địa phương, qua đó đã kịp thời khắc phục những hạn chế thiếu sót, trong khâu thu, quản lý, chi Quỹ quốc phòng-an ninh, góp phần đưa công tác thu, chi Quỹ quốc phòng-an ninh ngày càng chặt chẽ, hiệu quả thiết thực.

3. Đánh giá chung; ưu, khuyết điểm, nguyên nhân và bài học kinh nghiệm

a) Đánh giá chung

- Trong 2 năm qua, tuy phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức nhưng được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của Tỉnh ủy, UBND tỉnh, Huyện ủy, UBND huyện Tuy Phước đã xác định việc triển khai thực hiện Quyết định số 56/2011/QĐ-UBND về việc quy định mức vận động đóng góp, thu, quản lý và sử dụng Quỹ quốc phòng-an ninh là sự cần thiết trong giai đoạn hiện nay. Trong thời gian qua, dưới sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của Huyện ủy, UBND huyện đã ban hành văn bản triển khai thực hiện Quyết định số 56/2011/QĐ-UBND của UBND tỉnh, đồng thời chỉ đạo các ngành tuyên truyền, vận động, hướng dẫn, kiểm tra việc thu, chi Quỹ quốc phòng-an ninh nên bước đầu tạo được đồng thuận của xã hội, tỉ lệ tham đóng góp Quỹ quốc phòng - an ninh ngày càng nhiều, tạo điều kiện thuận lợi cho việc xây dựng, huấn luyện hoạt động trị an của DQTV và hoạt động của Công an xã, trong việc tổ chức bảo vệ an ninh trật tự ở cơ sở, tạo điều kiện phát triển kinh tế, xã hội ở địa phương.

Tuy nhiên, việc triển khai vận động thu Quỹ quốc phòng - an ninh ở 1 số xã, thị trấn còn thiếu đồng bộ, quản lý thu – chi chưa chặt chẽ, nhận thức 1 bộ phận cán bộ, nhân dân chưa cao.

b) Ưu, khuyết điểm, nguyên nhân ưu, khuyết điểm

***Ưu điểm:**

- Công tác lãnh đạo, chỉ đạo kịp thời sát đúng với tình hình thực tế của từng địa phương, đơn vị.

- Công tác chỉ đạo, quán triệt, triển khai thực hiện đồng bộ toàn diện, phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị. Qua công tác tuyên truyền, vận động cán bộ và nhân dân đã nâng cao về mặt nhận thức, nêu cao được tinh thần trách nhiệm và nghĩa vụ trong việc tham gia đóng góp Quỹ quốc phòng - an ninh.

- Sự cố gắng, nỗ lực của Ban CHQS huyện, Công an huyện, Phòng Tài chính – Kế hoạch huyện, các ban ngành có liên quan và UBND các xã, thị trấn khắc phục mọi khó khăn, làm tốt công tác vận động, tuyên truyền, tổ chức thu Quỹ quốc phòng - an ninh bước đầu đạt kết quả khá tốt.

- Công tác thu, chi, quản lý, sử dụng quỹ quốc phòng đúng theo quy định góp phần củng cố nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân trong khu vực phòng thủ và phát triển KT – XH của địa phương.

*** Khuyết điểm:**

- Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, quán triệt, triển khai việc thu, chi Quỹ quốc phòng-an ninh một số địa phương ở cơ sở có lúc, có nơi chưa quan tâm đúng mức.

- Công tác tuyên truyền, vận động đóng góp, thu Quỹ quốc phòng - an ninh chưa được thường xuyên, liên tục ở một số địa phương, do vậy kết quả thu Quỹ Quốc phòng – an ninh đạt thấp như: xã Phước Thành, Phước Hòa…

- Nhận thức về đường lối chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, trình độ năng lực một số cán bộ làm công tác tuyên truyền, vận động có mặt còn hạn chế.

- Chưa thường xuyên coi trọng công tác kiểm tra, giám sát nên một số địa phương chưa nắm chắt kết quả thu – chi, còn bị động lúng túng trong thanh quyết toán.

*** Nguyên nhân**

- Ưu điểm:

Được sự lãnh đạo, chỉ đạo của Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh, sự nổ lực của UBND huyện, các phòng, ban, ngành, hội đoàn thể có liên quan và UBND các xã, thị trấn đã phát huy sức mạnh tổng hợp trong công tác tuyên truyền, vận động đóng góp, thu Quỹ quốc phòng - an ninh trên địa bàn huyện.

Ban CHQS huyện, Công an huyện, Phòng Tài chính – Kế hoạch và các phòng, ban, ngành, hội đoàn thể có liên quan, đã tích cực chủ động thực hiện tốt vai trò làm tham mưu triển khai thực hiện, UBND các xã, thị trấn tổ chức thực hiện đúng kế hoạch, dự toán khảo sát lập bộ đã được thông qua Hội đồng nhân dân cùng cấp và thực hiện nghiêm túc việc thu, chi, quản lý, sử dụng theo Quyết định số 56/2011/QĐ-UBND của UBND tỉnh.

- Khuyết điểm

Quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo một số địa phương chưa đúng mức, chưa sát đúng với tình hình thực tế ở địa phương còn giao khoán cho Công an, Xã đội, Tài chính và lực lượng làm nhiệm vụ vận động đóng góp nên kết quả vận động đóng góp Quỹ quốc phòng - an ninh kết quả đạt chưa cao.

Công tác tuyên truyền chưa thật sự linh hoạt, chất lượng thấp, cán bộ làm nhiệm vụ tuyên truyền, vận động chưa được quán triệt tốt, nắm chưa chắt ý nghĩa của việc thực hiện Quỹ quốc phòng-an ninh nên lúng túng, bị động trong tuyên truyền vận động, một số bộ phận doanh nghiệp, Hợp tác xã và nhân dân nhận thức còn hạn chế về ý nghĩa, trách nhiệm và nghĩa vụ trong việc tham gia đóng góp Quỹ quốc phòng - an ninh.

Công tác phối hợp các ban, ngành, hội đoàn thể có lúc, có nơi chưa chặt chẽ và kịp thời. Việc triển khai , quán triệt các văn bản, hướng dẫn về công tác vận động đóng góp, thu Quỹ quốc phòng - an ninh chưa được thường xuyên ở một số địa phương, chưa tạo được phong trào chung về đóng góp Quỹ quốc phòng - an ninh.

c) Những bài học, kinh nghiệm

Qua 2 năm thực hiện công tác vận động, đóng góp thu, quản lý, sử dụng Quỹ quốc phòng – an ninh, UBND huyện rút ra một số kinh nghiệm như sau:

- Một là, ở địa phương nào cấp ủy, chính quyền địa phương tổ chức quán triệt nghiêm túc chặt chẽ, quan tâm chỉ đạo quyết liệt, kịp thời đề ra chủ trương, giải pháp lãnh đạo, chỉ đạo đúng đắn, thì địa phương đó phát huy được sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị thực hiện công tác vận động đóng góp Quỹ quốc phòng - an ninh thuận lợi đạt kết quả cao.

- Hai là, phát huy năng lực làm tham mưu của các ngành đoàn thể địa phương trong thực hiện chủ trương, giải pháp, triển khai thực hiện vận động thu Quỹ quốc phòng-an ninh hiệu quả.

- Ba là, trong quá trình lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ vận động, chọn lựa cán bộ có đầy đủ phẩm chất, năng lực, nắm vững phương châm, lý luận về nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới, vị trí ý nghĩa của việc thu Quỹ quốc phòng-an ninh, chủ động sáng tạo trong công tác vận động quần chúng.

- Bốn là, công tác chỉ đạo, điều hành phải thống nhất, tổ chức thực hiện linh hoạt, kiên quyết, phát huy sức mạnh tổng hợp cả hệ thống chính trị, lập kế hoạch quán triệt, triển khai toàn diện, cụ thể, chặt chẽ.

- Năm là, thường xuyên tiến hành công khai danh sách đối tượng thuộc diện vận động đóng góp, thu; đối tượng chưa (không) thuộc diện vận động đóng góp, định kỳ tổ chức kiểm tra sơ kết, tổng kết kịp thời biểu dương khen thưởng những địa phương, cá nhân tổ chức thực hiện tốt công tác vận động đóng góp Quỹ quốc phòng-an ninh trên địa bàn để nhân rộng điển hình và từng bước đưa công tác vận động đóng góp,thu ngày đi vào nề nếp.

- Sáu là, quan hệ chặt chẽ với cấp ủy Đảng, chính quyền, các ban ngành cấp trên để kịp thời tháo gỡ những vứng mắc trong quá trình tổ chức thực hiện.

4. Những vướng mắc, bất cập, đề nghị, kiến nghị

- Các đối tượng chưa thuộc diện vận động đóng góp Quỹ quốc phòng - an ninh như quy định hiện nay là chưa đầy đủ cần bổ sung thêm những hộ gia đình có người tham gia Dân quân Binh chủng, Chỉ huy trưởng, Chỉ huy phó quân sự, Trưởng công an, Phó Trưởng công an; Thôn đội trưởng, Công an viên, Tổ an ninh nhân dân, vì đây là lực lượng trực tiếp thực hiện nhiệm vụ quốc phòng-an ninh ở cơ sở, đồng thời điều chỉnh điểm h Mục 2 Điều 5: Hộ gia đình có người tàn tật nặng, không có khả năng tự phục vụ đang hưởng trợ cấp hàng tháng của Nhà nước.

- Mức chi Quỹ quốc phòng – an ninh nên bổ sung thêm mức chi cho hoạt động của Tổ an ninh nhân dân vì đây là lực lượng trực tiếp làm công tác bảo đảm ANCT – TTATXH ở cơ sở.

- Mức vận động đóng góp Quỹ quốc phòng - an ninh đối với các đối tượng, vận động thu là các loại hình doanh nghiệp, hộ kinh doanh cá thể, các hợp tác xã như quy định là thấp, chưa phù hợp với tình hình hiện nay, đề nghị tăng thêm.

- Quy định chi Quỹ quốc phòng - an ninh theo tình hình thực tế hiện nay còn thấp như:

+ Trích 2% chi cho công tác quản lý là rất thấp không đủ chi (chi mẫu biên lai thu, văn phòng phẩm và xác lập bộ,...) nên đề nghị tăng thêm cho phù hợp.

+ Hỗ trợ cho lực lượng trực tiếp tham gia tuần tra, canh gác không quá 20.000đồng/người/ngày đêm là rất thấp, đề nghị tăng lên 40.000đ/người/ngày cho phù hợp với tình hình hiện nay.

+ Hỗ trợ cho lực lượng trực tiếp tham gia truy quét, vây bắt tội phạm, không quá 40.000 đồng/người/ngày. Chi hỗ trợ cho công tác huấn luyện không quá 20.000đ/ người/ ngày là thấp, đề nghị nên tăng thêm cho phù hợp.

- Cần bổ sung quy định rõ thêm mục chi mua sắm công cụ hỗ trợ, trang thiết bị làm việc đối với Ban CHQS cấp xã, thị trấn và lực lượng trực tiếp tham, gia tuần tra, hoạt động ở cơ sở trong việc giữ gìn ANCT-TTATXH.

- Bổ sung Điều 9 của Quyết định thêm phần chế tài đối với những hành vi tuyên truyền xuyên tạc làm sai mục đích, ý nghĩa, bản chất của Quỹ quốc phòng – an ninh và các hoạt động xúi dục công dân, cơ quan tổ chức không tự nguyện đóng góp Quỹ quốc phòng – an ninh.

- Cho phép tiếp tục thu nợ Quỹ quốc phòng – an ninh của những tổ chức, cá nhân năm trước chưa thu để tạo sự công bằng xã hội./.

Nơi nhận:
- Bộ CHQS tỉnh;
- TT Huyện ủy;
- TT Hội đồng nhân dân huyện;
- CT, Các PCT UBND huyện;
- Văn phòng HĐND& UBND;
- Các phòng, ban, ngành, Hội đoàn thể;
- Đảng ủy, UBND 13 xã, thị trấn;
- Lưu: VT, KT.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Trần Hữu Lộc

BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ THU, CHI QUỸ QUỐC PHÒNG - AN NINH NĂM 2012 - 2013

TT	Địa phương	Lập bộ			Thu 2 năm	Tỷ lệ thu đạt %	Tổng chi 2 năm	Tỷ lệ chi %	Tồn quỹ	Ghi chú
		Tổng 1 năm	Số năm	Tổng 2 năm						
1	Xã Phước Thành	161.640	2	323.280	89.267	27,61	98.339	110,16	-9.072	
2	Xã Phước An	348.420	2	696.840	236.932	34,00	152.978	64,57	83.954	
3	Thị trấn Diêu Trì	217.020	2	434.040	202.760	46,71	168.383	83,05	34.377	
4	Thị trấn Tuy Phước	223.800	2	447.600	327.454	73,16	214.188	65,41	113.266	
5	xã Phước Lộc	233.400	2	466.800	265.890	56,96	95.428	35,89	170.462	
6	Xã Phước Nghĩa	68.880	2	137.760	102.900	74,70	30.521	29,66	72.379	
7	Xã Phước Thuận	208.560	2	417.120	220.760	52,92	58.144	26,34	162.616	
8	Xã Phước Sơn	280.200	2	560.400	437.830	78,13	67.753	15,47	370.077	
9	Xã Phước Hiệp	216.060	2	432.120	352.560	81,59	51.686	14,66	300.874	
10	Xã Phước Hòa	200.640	2	401.280	201.566	50,23	79.726	39,55	121.840	
11	Xã Phước Thắng	117.800	2	235.600	140.280	59,54	53.672	38,26	86.608	
12	Xã Phước Quang	165.960	2	331.920	231.306	69,69	77.320	33,43	153.986	
13	Xã Phước Hưng	226.620	2	453.240	222.690	49,13	21.196	9,52	201.494	
	TỔNG CỘNG	**2.669.000**		**5.338.000**	**3.032.195**	**56,80**	**1.169.334**	**38,56**	**1.862.861**	

Phụ lục 1

KẾT QUẢ
THU QUỸ QUỐC PHÒNG - AN NINH 2 NĂM (2012 - 2013)
(Số liệu tính từ ngày 01/01/2012 đến ngày 31/12/2013)

Đơn vị tính: 1.000đồng

SỐ TT	Địa phương	Tổng thu (6+9+12+15+19+22)	Cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp			Doanh nghiệp			Hợp tác xã			Hộ kinh doanh cá thể			Hộ gia đình				Các tổ chức khác		
			Tổng số(đơn vị)	Đã thu	Thành tiền	Tổng số (đơn vị)	Đã thu	Thành tiền	Tổng số (đơn vị)	Đã thu	Thành tiền	Tổng số (đơn vị)	Đã thu	Thành tiền	Tổng số (đơn vị)	Không hoặc chưa thu	Đã thu	Thành tiền	Tổng số (đơn vị)	Đã thu	Thành tiền
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
	TOÀN HUYỆN	**3.032.195**	**295**	**206**	**122.420**	**299**	**106**	**133.140**	**39**	**29**	**17.400**	**3.534**	**2.080**	**252.960**	**74.250**	**22.330**	**39.134**	**2.461.475**	**163**	**76**	**44.800**
1	Xã Phước Thành	89.267	7	1	600	38	11	24.240	2	0	0	298	57	6.720	4.217	3.256	961	57.707	0	0	0
2	Xã Phước An	236.932	18	18	10.800	90	0	36.660	4	4	2.400	540	253	36.360	7.253	1.631	964	149.512	8	1	1.200
3	TT Diêu Trì	202.760	63	46	27.100	27	17	10.200	3	3	1.800	659	385	46.200	4.724	2.951	1.773	105.960	46	19	11.500
4	TT Tuy Phước	327.454	83	76	46.500	42	34	26.880	4	4	2.400	471	369	44.280	5.056	1.599	3.457	207.394	0	0	0
5	Xã Phước Lộc	265.890	8	7	4.200	61	27	19.440	2	2	1.200	455	262	31.440	5.558	698	3.278	196.710	22	22	12.900
6	Xã Phước Nghĩa	102.900	8	2	1.200	6	3	2.160	2	1	600	60	46	5.520	1.943	356	1.557	93.420	3	0	0
7	Xã Phước Thuận	220.760	32	14	9.520	7	2	1.440	4	2	1.200	151	88	10.680	6.308	0	2.860	196.720	22	2	1.200
8	Xã Phước Sơn	437.830	18	14	8.400	5	4	2.880	4	4	2.400	243	230	27.600	11.146	4.537	6.609	396.550	**0**	0	0
9	Xã Phước Hiệp	352.560	12	9	2.700	4	2	1.440	4	3	1.800	140	92	11.040	6.555	982	5.573	334.380	22	2	1.200
10	Xã Phước Hòa	201.566	16	0	0	5	0	0	2	0	0	215	83	9.960	5.853	1.583	3.193	191.606	10	0	0
11	Xã Phước Thắng	140.280	12	8	4.800	0	0	0	2	2	1.200	82	60	7.200	3.555	1.947	2.148	125.880	2	2	1.200
12	Xã Phước Quang	231.306	12	8	4.800	6	2	1.320	2	0	0	95	55	3.960	4.845	1.606	3.427	205.626	28	28	15.600
13	Xã Phước Hưng	222.690	6	3	1.800	8	4	6.480	4	4	2.400	125	100	12.000	7.237	1.184	3.334	200.010	0	0	0

Phụ lục 2

KẾT QUẢ
CHI QUỸ QUỐC PHÒNG- AN NINH NĂM 2012 VÀ NĂM 2013
(Số liệu tính từ ngày 01/01/2012 đến 31/12/2013)

Đơn vị tính: 1000đ

Số TT	Địa phương	Tổng thu	Tổng chi (5 đến 13)	Chi trả thù lao 8%	Chi chỉ đạo, hành chính 2%	Chi LL tuần tra canh gác	Chi LL truy quét, vây bắt tội phạm	Chi làm nhiệm vụ giữ gìn ANTT, huấn luyện	Chi khen thưởng	Chi tập huấn ngắn hạn	Chi mua sắm dụng cụ, sửa chữa phương tiện	Chi hỗ trợ tiền thuốc trị bệnh	Chuyển sang năm sau	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
TOÀN HUYỆN		**3.032.195**	**1.169.334**	**205.501**	**50.633**	**332.945**	**64.626**	**371.181**	**4.688**	**53.765**	**85.200**	**795**	**1.862.861**	
1	Xã Phước Thành	89.267	98.339	2.961	432	14.346	0	80.020	0	580	0	0	-9.072	
2	Xã Phước An	236.932	152.978	18.953	4.737	26.450	32.780	70.058	0	0	0	0	83.954	
3	TT Diêu Trì	202.760	168.383	16.089	2.304	111.745	0	0	0	38.245	0	0	34.377	
4	TT Tuy Phước	327.454	214.188	26.190	6.547	40.900	9.436	117.411	0	8.310	5.194	200	113.266	
5	Xã Phước Lộc	265.890	95.428	20.000	5.033	0	22.170	47.248	0	0	977	0	170.462	
6	Xã Phước Nghĩa	102.900	30.521	8.240	3.291	13.314	0	2.480	0	0	3.196	0	72.379	
7	Xã Phước Thuận	220.760	58.144	19.508	6.151	29.160	240	1.350	0	0	1.140	595	162.616	
8	Xã Phước Sơn	437.830	67.753	32.187	8.886	12.760	0	13.920	0	0	0	0	370.077	
9	Xã Phước Hiệp	352.560	51.686	16.800	3.232	0	0	8.254	800	0	22.600	0	300.874	
10	Xã Phước Hòa	201.566	79.726	16.125	4.031	46.420	0	8.400	0	4.010	740	0	121.840	
11	Xã Phước Thắng	140.280	53.672	5.732	1.430	0	0	0	1.050	0	45.460	0	86.608	
12	Xã Phước Quang	231.306	77.320	17.702	3.067	28.400	0	17.160	2.838	2.620	5.533	0	153.986	
13	Xã Phước Hưng	222.690	21.196	5.014	1.492	9.450	0	4.880	0	0	360	0	201.494	

Phụ lục 1a

KẾT QUẢ
THU QUỸ QUỐC PHÒNG - AN NINH NĂM 2012
(Số liệu tính từ ngày 01/01/2012 đến ngày 31/12/2012)

Đơn vị tính: 1.000đồng

SỐ TT	Địa phương	Tổng thu (6+9+12 +15+19+ 22)	Cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp			Doanh nghiệp			Hợp tác xã			Hộ kinh doanh cá thể			Hộ gia đình				Các tổ chức khác			Ghi chú
			Tổng số (đơn vị)	Đã thu	Thành tiền	Tổng số (đơn vị)	Đã thu	Thành tiền	Tổng số (đơn vị)	Đã thu	Thành tiền	Tổng số (đơn vị)	Đã thu	Thành tiền	Tổng số (đơn vị)	Không hoặc chưa thu	Đã thu	Thành tiền	Tổng số (đơn vị)	Đã thu	Thành tiền	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23
	TOÀN HUYỆN	**1.347.151**	**146**	**102**	**57.820**	**149**	**46**	**74.160**	**19**	**15**	**9.000**	**1.762**	**976**	**116.820**	**36.908**	**11.191**	**17.827**	**1.069.451**	**79**	**34**	**19.900**	
1	Xã Phước Thành	53.863	3			19	3	15.600	1			148	40	4.680	2.054	1.495	559	33.583				
2	Xã Phước An	74.598	9	9	5.400	45		26.820	2	2	1.200	280	103	12.360	3.527	826	464	28.818	4			
3	TT Diêu Trì	106.370	28	17	9.700	13	7	4.200	1	1	600	317	202	24.240	2.373	1.313	1.060	63.330	19	7	4.300	
4	TT Tuy Phước	142.380	42	35	21.300	21	17	13.920	2	2	1.200	241	152	18.240	2.528	1.066	1.462	87.720				
5	Xã Phước Lộc	131.070	4	4	2.400	30	11	7.920	1	1	600	227	122	14.640	2.780	84	1.648	98.910	11	11	6.600	
6	Xã Phước Nghĩa	51.960	4	2	1.200	3	2	1.440	1	1	600	30	23	2.760	972	175	766	45.960	3			
7	Xã Phước Thuận	88.790	16	10	5.520	4	2	1.440	2	1	600	77	53	6.180	2.997		1.267	75.050	11			
8	Xã Phước Sơn	221.850	10	9	5.400	3	2	1.440	2	2	1.200	105	97	11.640	5.651	2.282	3.369	202.170				
9	Xã Phước Hiệp	158.880	7	5	300	2	1	720	2	2	1.200	74	46	5.520	3.247	738	2.509	150.540	11	1	600	
10	Xã Phước Hòa	71.400	8			2			1			110	44	5.280	2.952	842	1.102	66.120	5			
11	Xã Phước Thắng	71.640	6	5	3.000				1	1	600	41	32	3.840	1.787	952	1.060	63.600	1	1	600	
12	Xã Phước Quang	109.320	6	4	2.400	3	1	660	1			49	22	2.640	2.422	826	1.597	95.820	14	14	7.800	
13	Xã Phước Hưng	65.030	3	2	1.200	4			2	2	1.200	63	40	4.800	3.618	592	964	57.830				

Phụ lục 1b

KẾT QUẢ
THU QUỸ QUỐC PHÒNG - AN NINH NĂM 2013
(Số liệu tính từ ngày 01/01/2013 đến ngày 31/12/2013)

Đơn vị tính: 1.000đồng

SỐ TT	Địa phương	Tổng thu (6+9+12+15+19+22+23)	Cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp			Doanh nghiệp			Hợp tác xã			Hộ kinh doanh cá thể			Hộ gia đình				Các tổ chức khác			Năm trước chuyển sang	Ghi chú
			Tổng số (đơn vị)	Đã thu	Thành tiền	Tổng số (đơn vị)	Đã thu	Thành tiền	Tổng số (đơn vị)	Đã thu	Thành tiền	Tổng số (đơn vị)	Đã thu	Thành tiền	Tổng số (đơn vị)	Không hoặc chưa thu	Đã thu	Thành tiền	Tổng số (đơn vị)	Đã thu	Thành tiền		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24
	TOÀN HUYỆN	**2.734.680**	**149**	**104**	**64.600**	**150**	**60**	**58.980**	**20**	**14**	**8.400**	**1.772**	**1.104**	**136.140**	**37.342**	**11.139**	**21.307**	**1.392.024**	**84**	**42**	**24.900**	**1.049.636**	
1	Xã Phước Thành	49.569	4	1	600	19	8	8.640	1			150	17	2.040	2.163	1.761	402	24.124				14.165	
2	Xã Phước An	228.274	9	9	5.400	45		9.840	2	2	1.200	260	150	24.000	3.726	805	500	120.694	4	1	1.200	65.940	
3	TT Diêu Trì	179.902	35	29	17.400	14	10	6.000	2	2	1.200	342	183	21.960	2.351	1.638	713	42.630	27	12	7.200	83.512	
4	TT Tuy Phước	238.961	41	41	25.200	21	17	12.960	2	2	1.200	230	217	26.040	2.528	533	1.995	119.674				53.887	
5	Xã Phước Lộc	217.497	4	3	1.800	31	16	11.520	1	1	600	228	140	16.800	2.778	614	1.630	97.800	11	11	6.300	82.677	
6	Xã Phước Nghĩa	100.378	4			3	1	720	1			30	23	2.760	971	181	791	47.460				49.438	
7	Xã Phước Thuận	210.406	16	4	4.000	3			2	1	600	74	35	4.500	3.311		1.593	121.670	11	2	1.200	78.436	
8	Xã Phước Sơn	418.358	8	5	3.000	2	2	1.440	2	2	1.200	138	133	15.960	5.495	2255	3.240	194.380				202.378	
9	Xã Phước Hiệp	339.102	5	4	2.400	2	1	720	2	1	600	66	46	5.520	3.308	244	3.064	183.840	11	1	600	145.422	
10	Xã Phước Hòa	182.036	8			3			1			105	39	4.680	2.901	741	2.091	125.486	5			51.870	
11	Xã Phước Thắng	140.280	6	3	1.800				1	1	600	41	28	3.360	1.768	995	1.088	62.280	1	1	600	71.640	
12	Xã Phước Quang	207.227	6	4	2.400	3	1	660	1			46	33	1.320	2.423	780	1.830	109.806	14	14	7.800	85.241	
13	Xã Phước Hưng	222.690	3	1	600	4	4	6.480	2	2	1.200	62	60	7.200	3.619	592	2.370	142.180				65.030	

Phụ lục 2b

KẾT QUẢ
CHI QUỸ QUỐC PHÒNG- AN NINH NĂM 2013
(Số liệu tính từ ngày 01/01/2013 đến 31/12/2013)

Đơn vị tính: 1000đ

Số TT	Địa phương	Tổng thu	Tổng chi (5 đến 13)	Chi trả thù lao 8%	Chi chỉ đạo, hành chính 2%	Chi LL tuần tra canh gác	Chi LL truy quét, vây bắt tội phạm	Chi làm nhiệm vụ giữ gìn ANTT, huấn luyện	Chi khen thưởng	Chi tập huấn ngắn hạn	Chi mua sắm dụng cụ, sửa chữa phương tiện	Chi hỗ trợ tiền thuốc trị bệnh	Chuyển sang năm sau	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
TOÀN HUYỆN		**2.734.680**	**871.519**	**124.056**	**28.394**	**281.624**	**54.830**	**255.116**	**3.269**	**47.750**	**75.685**	**795**	**1.886.592**	
1	Xã Phước Thành	49.569	58.641	2.961	180	1.300		54.200					-9.072	
2	Xã Phước An	228.274	145.520	12.986	3.246	26.450	32.780	70.058					83.952	
3	TT Diêu Trì	179.902	146.125	7.660	360	102.825				35.280			31.137	
4	TT Tuy Phước	238.961	125.695	14.800	3.700	27.595	2.500	67.770		7.510	1.620	200	113.239	
5	Xã Phước Lộc	217.497	47.035	9.590	2.431		19.310	15.704					207.181	
6	Xã Phước Nghĩa	100.378	27.999	8.240	2.895	11.584		2.480			2.800		72.775	
7	Xã Phước Thuận	210.406	48.390	11.955	3.950	29.160	240	1.350			1.140	595	162.616	
8	Xã Phước Sơn	418.358	48.281	18.561	3.040	12.760		13.920					370.077	
9	Xã Phước Hiệp	339.102	35.528	3.874				8.254	800		22.600		288.080	
10	Xã Phước Hòa	182.036	60.196	10.413	2.603	36.440		8.400		2.340			121.840	
11	Xã Phước Thắng	140.280	53.672	5.732	1.430				1.050		45.460		93.748	
12	Xã Phước Quang	207.227	53.241	12.270	3.067	24.060		8.100	1.419	2.620	1.705		149.525	
13	Xã Phước Hưng	222.690	21.196	5.014	1.492	9.450		4.880			360		201.494	

Phụ lục 2a

KẾT QUẢ
CHI QUỸ QUỐC PHÒNG- AN NINH NĂM 2012
(Số liệu tính từ ngày 01/01/2012 đến 31/12/2012)

Đơn vị tính: 1000đ

Số TT	Địa phương	Tổng thu	Tổng chi (5 đến 13)	Chi trả thù lao 8%	Chi chỉ đạo, hành chính 2%	Chi LL tuần ta canh gác	Chi LL truy quét, vây bắt tội phạm	Chi làm nhiệm vụ giữ gìn ANTT, huấn luyện	Chi khen thưởng	Chi tập huấn ngắn hạn	Chi mua sắm dụng cụ, sửa chữa phương tiện	Chi hỗ trợ tiền thuốc trị bệnh	Chuyển sang năm sau	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
TOÀN HUYỆN		**1.347.151**	**297.815**	**81.445**	**22.239**	**51.321**	**9.796**	**116.065**	**1.419**	**6.015**	**9.515**	**0**	**1.049.336**	
1	Xã Phước Thành	53.863	39.698		252	13.046		25.820		580			14.165	
2	Xã Phước An	74.598	7.458	5.967	1.491								67.140	
3	TT Diêu Trì	106.370	22.258	8.429	1.944	8.920				2.965			84.112	
4	TT Tuy Phước	142.380	88.493	11.390	2.847	13.305	6.936	49.641		800	3.574		53.887	
5	Xã Phước Lộc	131.070	48.393	10.410	2.602		2.860	31.544			977		82.677	
6	Xã Phước Nghĩa	51.960	2.522		396	1.730					396		49.438	
7	Xã Phước Thuận	88.790	9.754	7.553	2.201								79.036	
8	Xã Phước Sơn	221.850	19.472	13.626	5.846								202.378	
9	Xã Phước Hiệp	158.880	16.158	12.926	3.232								142.722	
10	Xã Phước Hòa	71.400	19.530	5.712	1.428	9.980				1.670	740		51.870	
11	Xã Phước Thắng	71.640	0										71.640	
12	Xã Phước Quang	109.320	24.079	5.432		4.340		9.060	1.419		3.828		85.241	
13	Xã Phước Hưng	65.030	0										65.030	